

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

(Áp dụng cho khám sức khỏe cá nhân và khám hợp đồng)

Mã tài liệu : **QT.QLCL.0925**

Lần ban hành : **01**

Ngày ban hành : **26/8/2025**

Phân phê duyệt tài liệu:

Soạn thảo	Kiểm soát	Kiểm duyệt
Trưởng phòng	Phó Giám đốc	Giám đốc
		
Võ Hữu Thư	Trần Ngọc Luận	Lê Quang Lệnh

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC NINH HÒA	QUY TRÌNH	Mã số: QT.QLCL.0925
	KHÁM SỨC KHỎE	Ngày ban hành: 26/8/2025 Lần ban hành: 01

1. Người có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy trình / quy định / hướng dẫn này. 2. Tài liệu này khi được ban hành có hiệu lực thi hành như sự chỉ đạo của Ban Giám đốc Bệnh viện.. 3. Mỗi đơn vị được cung cấp 01 bản có đóng dấu Kiểm soát của phòng Kế hoạch tổng hợp. Các đơn vị khi có nhu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu, đề nghị liên hệ với phòng Kế hoạch tổng hợp để được hỗ trợ.

NƠI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu X vào ô bên cạnh)

☒	Ban Giám đốc	☐		☐	
☒	Các phòng chức năng	☐		☐	
☒	Trưởng khoa/phòng	☐		☐	
☒	Các khoa lâm sàng	☐		☐	
☒	Các khoa cận lâm sàng	☐		☐	
☐		☐		☐	

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung hạng mục sửa đổi

I. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất các bước trong quá trình khám sức khỏe cho người khám sức khỏe và các đơn vị đăng ký khám sức khỏe theo hợp đồng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người khám sức khỏe.

II. PHẠM VI ÁP DỤNG

Người khám sức khỏe đến khám tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa

Các đơn vị, tổ chức, tập thể đăng ký khám sức khỏe tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Hòa

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, số 1895/1997/BYT-QĐ, ngày 19/09/1997;
2. Thông tư số 14/2013/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, ngày 06/05/2013;
3. Thông tư 13/2020/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế, ngày 05 /7/2019.

IV. THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

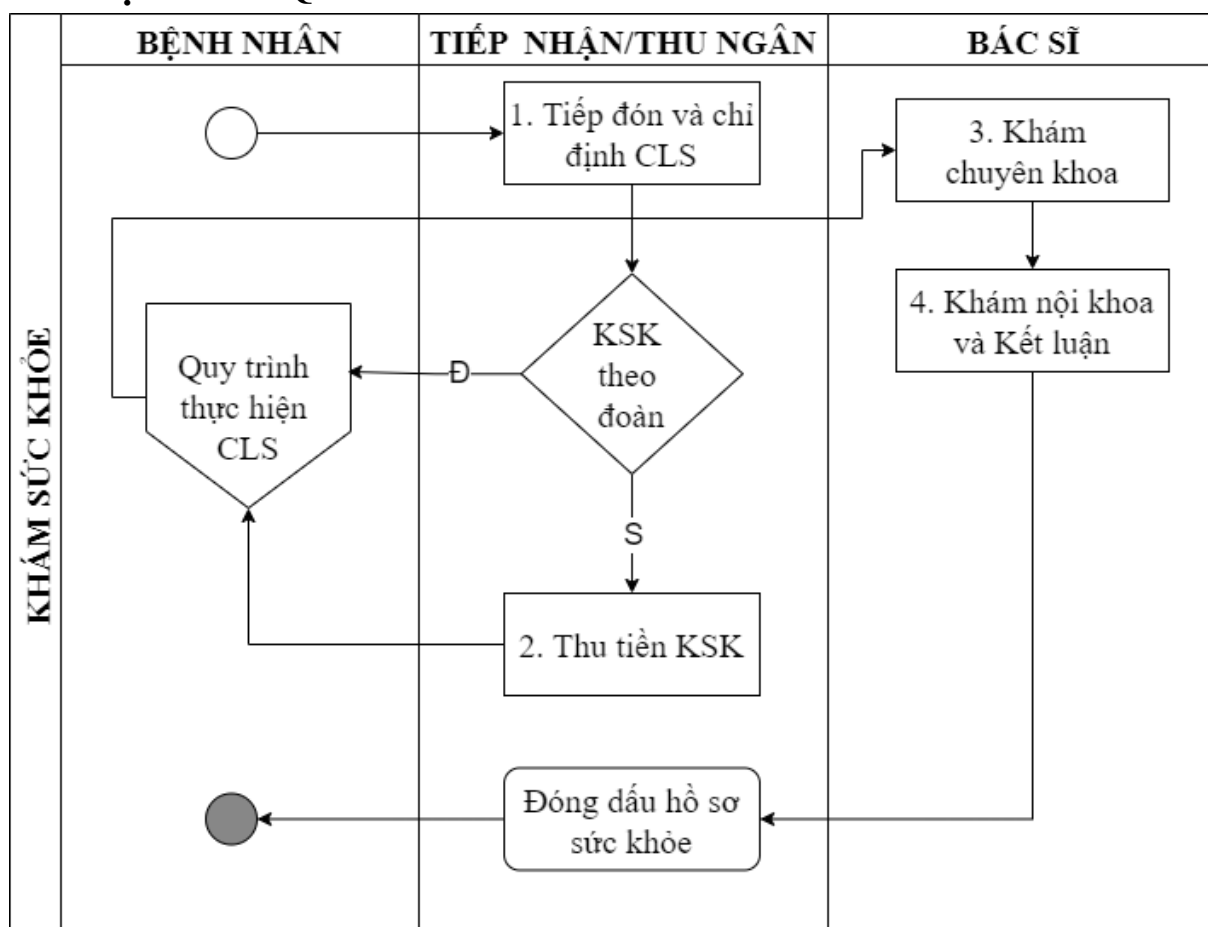
*** Giải thích thuật ngữ:**

- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người khám sức khỏe là các nhu cầu được thực hiện các dịch vụ nhanh gọn, khoa học, đơn giản, thuận tiện, chính xác, minh bạch, công bằng.

*** Từ viết tắt:**

- | | |
|-----------|-----------------------------------|
| - ĐKKV: | Đa khoa khu vực |
| - KSK: | Khám sức khỏe |
| - KHNVDĐ: | Kế hoạch – Nghiệp vụ - Điều dưỡng |
| - TCKT: | Tài chính – Kế toán |
| - KB: | Khám bệnh |
| - XNCĐHA: | Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh |
| - CLS: | Cận lâm sàng |
| - BN: | Bệnh nhân |
| - BS: | Bác sĩ |
| - NV: | Nhân viên |

V. NỘI DUNG QUY TRÌNH



VI. DIỄN GIẢI QUY TRÌNH

STT	Tên bước	Đối tượng	Mô tả chi tiết	Biểu mẫu
1	Tiếp nhận và chỉ định CLS	Tiếp nhận / thu ngân	- Nhập thông tin BN và chỉ định CLS	- Phiếu chỉ định CDHA - Phiếu chỉ định xét nghiệm
	Nếu BN KSK theo đoàn, thực hiện quy trình CLS Nếu BN KSK cá nhân, thực hiện bước [2]			
	Quy trình thực hiện CLS	BN	BN thực hiện theo quy trình thực hiện CLS (xem tài liệu quy trình)	
2	Thu tiền KSK	Thu ngân	Thu tiền KSK của BN KSK cá nhân	Hóa đơn bán hàng
3	Khám chuyên	BS	BS tại các phòng khám chuyên khoa thực hiện khám	Sổ khám sức

STT	Tên bước	Đối tượng	Mô tả chi tiết	Biểu mẫu
	khoa		sức khỏe cho BN theo mẫu KSK thông tư 09/2023/TT-BYT	khỏe định kỳ Giấy khám sức khỏe Giấy khám sức khỏe lái xe (TT 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT)
4	Khám nội khoa & kết luận	BS	BS Nội khoa thực hiện khám Nội và kết luận vào Hồ sơ/giấy KSK	Sổ khám sức khỏe định kỳ Giấy khám sức khỏe Giấy khám sức khỏe lái xe
5	Đóng dấu hồ sơ sức khỏe	NV tiếp nhận	Đóng dấu vào Hồ sơ/giấy KSK Đẩy công BH đối với giấy KSK lái xe	Sổ khám sức khỏe định kỳ Giấy khám sức khỏe Giấy khám sức khỏe lái xe